

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2022.

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Đoàn Hạnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Ngọc Điện**

Bà Thạch Thị Lan Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh L.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn T**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn Liên Kết, xã Đa Đồn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị **Bùi Thị H** trình bày: Chị **Bùi Thị H** và anh **Nguyễn T** xây dựng gia đình với nhau năm 2007, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Đồn,

huyện Lâm Hà vào ngày 16/10/2008. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không chung thủy nên vợ chồng thường hay cãi nhau và không thể tìm được tiếng nói chung trong gia đình, khoảng cách hai bên ngày càng nhiều nên vợ chồng đã tự sống ly thân 07 năm nay. Đến nay mâu thuẫn đã quá trầm trọng, T cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có ba con chung là Nguyễn Thị Kim Hồng, sinh ngày 23/8/2008; Nguyễn Thị Yến Vy, sinh ngày 04/4/2010 và Nguyễn Thị Ngọc Diệu, sinh ngày 13/4/2013. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi cả ba con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị H không còn yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn anh Nguyễn T trình bày:* Anh Nguyễn T và chị Bùi Thị H xây dựng gia đình với nhau năm 2007, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà vào ngày 16/10/2008. Vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được 10 năm, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không thể sống cùng nhau và đã sống ly thân từ 2017 đến năm 2022. Do T trạng hôn nhân không thể hàn gắn nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị H có ba con chung là Nguyễn Thị Kim Hồng, sinh ngày 23/8/2008; Nguyễn Thị Yến Vy, sinh ngày 04/4/2010 và Nguyễn Thị Ngọc Diệu, sinh ngày 13/4/2013. Khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi con là Yến Vy và Ngọc Diệu, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh T không còn yêu cầu gì khác

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc

giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị H, giao cả ba con chung cho chị H có trách nhiệm nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Các vấn đề khác không đặt ra để xem xét giải quyết. Buộc chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn T xây dựng gia đình với nhau năm 2007, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Đồn, huyện Lâm Hà vào ngày 16/10/2008 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị H xác định do anh chị không hợp nhau và anh T cũng không chung thủy nên quá trình chung sống vợ chồng thường hay mâu thuẫn, anh chị đã tự sống ly thân từ năm 2017 đến nay nên chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Xét thấy, chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm nên cuộc sống chung không được hạnh phúc, anh chị cũng không tin tưởng nhau trong quan hệ T cảm và đã tự sống ly thân thời gian dài. Đến nay anh chị đều xác định T cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài nên chị H yêu cầu ly hôn, anh T cũng đồng ý giải quyết ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, xử cho chị H và anh T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung:* Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn T có ba con chung là Nguyễn Thị Kim Hồng, sinh ngày 23/8/2008; Nguyễn Thị Yến Vy, sinh ngày 04/4/2010 và Nguyễn Thị Ngọc Diệu, sinh ngày 13/4/2013. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu được nuôi cả ba con chung còn anh T yêu cầu được nuôi 02 con chung là Yến Vy và Ngọc Diệu. Anh chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Việc chị H và anh T đều yêu cầu được nuôi con là nguyện vọng chính đáng, thể hiện trách nhiệm làm cha, làm mẹ của anh chị đối với các con. Tuy nhiên, việc xem xét giao các con cho ai nuôi phải xem xét toàn diện về mọi mặt để đảm bảo tốt nhất quyền lợi của các con cũng như ổn định về tâm lý của các con khi bố mẹ không còn chung sống với nhau.

Xét thấy, qua xác minh thực tế tại địa phương thì được biết lâu nay anh T không còn sống tại địa phương. Tại phiên tòa anh T cũng thừa nhận từ năm 2017 anh T đã đi chung sống với người phụ nữ khác và đã có con riêng, lâu nay anh T thuê nhà ở và làm công trình xây dựng tại thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập của anh T 15.000.000đồng/01 tháng, hàng tháng anh T phải cấp dưỡng nuôi con riêng 2.000.000đồng đến 3.000.000đồng/01 tháng. Nếu được nuôi con thì anh T sẽ đưa con về Quảng Ngãi sống hoặc có thể đưa con tới thành phố Hồ Chí Minh sống cùng anh T. Như vậy, tính chất công việc của anh T thường xuyên di chuyển theo công trình, chỗ ở chưa ổn định và hiện nay anh T đang cấp dưỡng nuôi con riêng, nếu giao con cho anh T nuôi thì có phần khó khăn cho anh T cũng như các con anh T.

Bản thân chị H nuôi cả ba con chung cũng có phần vất vả nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay thì các con anh chị đều do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và được biết lâu nay chị H nuôi con đảm bảo. Các con anh chị đều là con gái, các cháu đều ở độ tuổi bắt đầu có sự thay đổi về tâm sinh lý và cả ba cháu đều có nguyện vọng được sống với mẹ khi bố mẹ ly hôn nên sự gần gũi, quan tâm, chia sẻ của người mẹ sẽ phù hợp hơn để đảm bảo tốt nhất cho con.

Vì vậy, để đảm bảo ổn định về nơi ở, học tập cũng như việc chăm sóc, nuôi dưỡng và quyền lợi tốt nhất cho các con anh chị, cũng như tôn trọng ý kiến của con. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình cần giao cả ba con chung cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là phù hợp.

Nếu sau này anh T ổn định cuộc sống và có nguyện vọng được nuôi con thì có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị H không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh T và chị H xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Buộc chị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227 và Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị H, xử cho chị Bùi Thị H và anh Nguyễn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con là Nguyễn Thị Kim Hồng, sinh ngày 23/8/2008; Nguyễn Thị Yến Vy, sinh ngày 04/4/2010 và Nguyễn Thị Ngọc Diệu, sinh ngày 13/4/2013 cho chị Bùi Thị H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh Nguyễn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị H đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0002971 ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị Bùi Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/4/2022) chị Bùi Thị H và anh Nguyễn T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trịnh Đoàn Hạnh Trang